TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/LĐ-ST
Ngày: 03-9-2025
"V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 269/2024/TLST-LĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc *"Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Công ty TNHH S.

Trụ sở: Ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ: Số H, T tránh, Quốc lộ A, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc.

(Bà C, Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh có đơn xin vắng mặt, Công ty S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2024, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 05/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày như sau:

Năm 2015, bà vào làm cho Công ty TNHH S, địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và được Công ty ký hợp đồng lao động chính thức.

Trong thời gian làm việc tại Công ty bà luôn hoàn thành công việc được giao, vào cuối năm 2023, Công ty hết đơn hàng và doanh thu không có nên phía Công ty có nợ lại tiền lương, chưa đóng tiền Bảo hiểm của Công nhân trong đó có bà, Công ty H1 sẽ cố gắng thanh toán tiền lương và tiền bảo hiểm cho bà và động viên bà tiếp tục làm việc cho Công ty. Vì đã làm việc cho Công ty nhiều năm nên bà cũng đồng ý tiếp tục ở lại làm việc cho Công ty, đến đầu tháng 03 năm 2024, tình trạng Công ty ngày càng khó khăn không có đơn hàng sản xuất nên tạm thời đóng cửa và chuyển sang đơn vị kinh doanh ở khu công nghiệp T và yêu cầu bà viết đơn xin nghỉ việc. Công ty còn hứa hẹn là sẽ trả lương, đóng tiền Bảo hiểm cho bà theo "Biên bản làm việc" ngày 20/03/2024, giữa Công ty S với người lao động theo như thỏa thuận sau: Trong tháng 03/2024, Công ty sẽ trả 70% tiền lương tháng 12/2023 và 50% tiền lương tháng 01/2024; Trong tháng 04/2024, Công ty sẽ trả 50% tiền lương tháng 01/2024 và thanh toán hết phần nợ cơ quan BHXH; Trong tháng 05/2024, Công ty sẽ trả 100% tiền lương tháng 02/2024.

Kể từ ngày Biên bản làm việc kết thúc, cho đến nay Công ty S vẫn còn nợ tiền lương và chưa đóng tiền Bảo hiểm của bà cụ thể tiền lương lao động: Tổng số tiền là: 8.061.621đồng (tám triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm hai mươi mốt đồng) cụ thể như sau: 50% tiền lương tháng 01/2024 là 4.224.372đồng (bốn triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng); 100% tiền lương tháng 02/2024 là 3.837.250đồng (ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng) và tiền bảo hiểm tính từ tháng 02/2023 đến tháng 02/2024, với tổng số tiền là 14.135.000 đồng (mười bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) cụ thể như sau: Tiền bảo hiểm xã hội là 12.375.000đồng (mười hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Tiền Bảo hiểm thất nghiệp là 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng); Tiền Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh Nghề nghiệp là 220.000đồng (hai trăm hai mươi nghìn đồng); Tiền Bảo hiểm y tế là 990.000 đồng (chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Sau đó, bà đã nhiều lần liên hệ với Công ty S yêu cầu thanh toán số tiền lương còn lại và đóng tiền Bảo hiểm cho bà nhưng phía Công ty S cứ hẹn lần hẹn lượt và né tránh không trả tiền lương và đóng tiền Bảo hiểm cho bà.

Nay bà Phạm Thị C thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà theo số sổ Bảo hiểm xã hội 8015012578, tổng số tiền chậm đóng tại Bảo hiểm xã hội và tiền lãi chậm đóng tính đến hết tháng 6/2025 là 14.607.951đồng (đã bao gồm tiền lãi chậm đóng), buộc Công ty tiếp tục phải

chịu khoản tiền lãi cho đến khi đóng xong số tiền bảo hiểm xã hội cho bà Phạm Thị C.

Ngoài ra, bà Phạm Thị C không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH S vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án ý kiến yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh xin vắng mặt và có văn bản ý kiến như sau:

BHXH khu vực XXIX (nay là BHXH tỉnh T) xác nhận quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của bà Phạm Thị C theo Bản ghi Phụ lục quá trình đóng BHXH, BHTN kèm theo.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN: "a) Thu tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN kể cả tiền lãi chậm đóng theo quy định tại khoản 3 Điều này đối với người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHTN cho người lao động theo quy định của pháp luật (nếu có)". Như vậy, để xác nhận sổ BHXH cho người lao động đến thời gian nghĩ việc, đơn vị đóng đủ số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN. Theo đó, tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN phải đóng và lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN tính đến hết tháng 6/2025 của bà Phạm Thị C số sổ BHXH 8015012578 tổng số tiền là 14.607.951 đồng.

BHXH khu vực XXIX (nay là BHXH tỉnh T) với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Phạm Thị C theo số sổ Bảo hiểm xã hội 8015012578, số tiền chậm đóng và lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN tính đến hết tháng 6/2025 tại Bảo hiểm xã hội là 14.607.951đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị C khởi kiện Công ty TNHH S về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội. Bị đơn Công ty

TNHH S có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh). Căn cứ khoản 2 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"* và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về điều kiện khởi kiện: Bà Phạm Thị C khởi kiện Công ty TNHH S về việc *"Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"*. Tranh chấp này thuộc trường hợp không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải cơ sở trước khi khởi kiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị C yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH S đóng bảo hiểm xã hội cho bà C, thấy rằng:

[2.1.1] Giữa Công ty TNHH S và bà Phạm Thị C có ký kết hợp đồng lao động. Việc hai bên ký kết hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 13, 20, 23, khoản 1 Điều 168 của Bộ luật lao động. Do đó, Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà C và Công ty S là có hiệu lực pháp luật, theo đó người sử dụng lao động và người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định.

[2.1.2] Sau khi ký kết hợp đồng lao động, bà C vào làm việc tại Công ty S. Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà C từ tháng 04/2015 đến tháng 02/2024 với số sổ bảo hiểm là 8015012578. Hàng tháng, Công ty vẫn trích lương của bà C để đóng bảo hiểm nhưng Công ty vẫn còn nợ tiền bảo hiểm xã hội.

[2.1.3] Căn cứ theo công văn phúc đáp số 430/BHXH-QLTVPTNTG ngày 19/6/2025 của Bảo hiểm xã hội khu vực XXIX thì bà Phạm Thị C, số sổ bảo hiểm 8015012578 có quá trình tham gia từ tháng 04/2015 đến tháng 02/2024. Tính đến hết tháng 06/2025, tổng số tiền Công ty phải đóng và lãi chậm đóng cho bà C là 14.607.951 đồng (trong đó lãi chậm đóng là 2.183.979 đồng). Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S phải đóng số tiền bảo hiểm xã hội cho bà C là hoàn toàn phù hợp với Điều 48 Bộ luật lao động, Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, 89 Luật bảo hiểm xã hội.

[2.2] Về tiền lãi chậm đóng: Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội "Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng…" và tại Điều 37 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của B quy định cách tính lãi chậm đóng như sau "Đơn vị chậm đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN,

BHTNLĐ, BNN từ 30 ngày trở lên thì phải đóng số tiền lãi tính trên số tiền BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN chưa đóng". Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm đóng số tiền lãi chậm đóng tính đến hết tháng 6/2025 là 2.183.979 đồng và tiếp tục chịu lãi cho đến khi đóng xong tiền Bảo hiểm xã hội của bà C theo mức lãi do Luật bảo hiểm xã hội quy định.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH S phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 21, Điều 49 của Bộ luật Lao động; Điều 17 của Luật bảo hiểm xã hội; Điều 123 Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C về việc "*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội*" đối với Công ty TNHH S.

1. Buộc Công ty TNHH S phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà Phạm Thị C, số sổ Bảo hiểm xã hội 8015012578, tính đến hết tháng 6/2025 số tiền là 14.607.951 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn chín trăm năm mươi mốt đồng), trong đó đã bao gồm lãi chậm đóng là 2.183.979 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng).

2. Công ty TNHH S còn phải chịu khoản tiền lãi từ tháng 7/2025 cho đến khi đóng xong số tiền bảo hiểm xã hội cho bà Phạm Thị C theo mức lãi do Luật bảo hiểm xã hội quy định.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 3 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm